



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC**

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 283 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST RESULT**

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Bến Lức Ấp Bến Lức 3 - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 02/04/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 110

MSM: 260402.32



**Kết quả thử nghiệm (Test results):**

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.4	6.0-8.5	02/04/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	02/04/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	02/04/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	02/04/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	03/04/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-CI-G:2023	mg/L	0.25	0.2-1.0	02/04/2026
7	Hàm lượng N-NH <sub>4</sub> *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	02/04/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	02/04/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	02/04/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	03/04/2026

**TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC**  
(Head of Testing Department)

Nguyễn Thị Thùy Dung

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Deputy General Director)



Lưu Văn Cần

**Nhận xét:**

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (\*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (\*\*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC**

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 284 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST RESULT**

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Gò Đen Ấp 1 - xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 02/04/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 110



VILAS 1159

MSM: 260402.33

**Kết quả thử nghiệm (Test results):**

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.6	6.0-8.5	02/04/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	02/04/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	02/04/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	02/04/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	03/04/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.24	0.2-1.0	02/04/2026
7	Hàm lượng N-NH <sub>4</sub> *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	02/04/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	02/04/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	02/04/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	03/04/2026

**TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC**  
(Head of Testing Department)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Deputy General Director)



**Lưu Văn Cần**

**Nhận xét:**

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (\*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (\*\*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC**

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 286 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST RESULT**

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại TCN Phước Tỉnh, ấp Phước Tỉnh, xã Mỹ Yên - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 02/04/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 110

MSM: 260402.35



**Kết quả thử nghiệm (Test results):**

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đ.vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		6.3	6.0~8.5	02/04/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	02/04/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	02/04/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	02/04/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	03/04/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.22	0.2~1.0	02/04/2026
7	Hàm lượng N-NH <sub>4</sub> *	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	02/04/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	02/04/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	02/04/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	03/04/2026

**TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC**  
(Head of Testing Department)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Deputy General Director)



**Lưu Văn Cần**

**Nhận xét:**

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (\*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (\*\*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.



CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC LONG AN  
**PHÒNG THÍ NGHIỆM NƯỚC**

Mã số: BM02-QT09

Lần ban hành: 03

Ngày hiệu lực: 01/08/2024

Trang: 1/1

Số: 285 /KQTN-2026

Tây Ninh, ngày 06 tháng 04 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST RESULT**

- Tên mẫu thử (Name of sample): Nước sau xử lý - Vị trí mẫu tại trạm xử lý nước sạch ấp Thanh Hiệp, Thanh Phú - xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Tên/địa chỉ khách hàng (Name/ Address of customer): Công ty Cổ phần Cấp nước và Dịch vụ Đô thị Bến Lức Số 155 Nguyễn Hữu Thọ, Ấp Bến Lức 3, xã Bến Lức - Tỉnh Tây Ninh

- Mô tả mẫu (Description): Mẫu hóa lý được chứa trong chai PP, mẫu vi sinh chứa trong chai thủy tinh vô trùng, nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường.

- Ngày nhận mẫu (Date of receiving): 02/04/2026

- Người lấy/gửi mẫu (Sample taking/Sample submitter): Nguyễn Ngọc Minh

- Số phiếu YC (Number of questionnaire): 110

MSM: 260402.34



**Kết quả thử nghiệm (Test results):**

Stt No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị đo Unit	Kết quả Result	GH cho phép Regular limit	Ngày TN Testing date
1	pH*	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)		7.1	6.0-8.5	02/04/2026
2	Màu sắc*	SMEWW 2120-C:2023	mg Pt/L	<LOQ = 5	15	02/04/2026
3	Mùi vị*	Ref.SMEWW 2150B&2160B:2023		K có mùi, vị lạ	K có mùi, vị lạ	02/04/2026
4	Độ đục*	TCVN 12402-1:2020 (ISO 7027-1:2016)	NTU	<LOQ = 0.5	2	02/04/2026
5	Chỉ số Permanganate*	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)	mg/L	<LOQ = 0.5	2	03/04/2026
6	Hàm lượng Clo dư*	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	0.24	0.2-1.0	02/04/2026
7	Hàm lượng N-NH <sub>4</sub> * <sup>*</sup>	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984)	mg/L	KPH (LOQ = 0.08)	0.3	02/04/2026
8	Coliforms tổng số*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<3	02/04/2026
9	Escherichia coli*	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	CFU/100ml	0	<1	02/04/2026
10	Arsenic	SMEWW 3500-As-B (EPA 206.4&EN 26595)	mg/L	KPH	0.01	03/04/2026

**TP. THÍ NGHIỆM NƯỚC**  
(Head of Testing Department)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Deputy General Director)



**Lưu Văn Cần**

**Nhận xét:**

Kết quả mẫu nước có các chỉ tiêu thử nghiệm đạt theo QCDP 01:2022/LA ban hành kèm theo quyết định số 18/2022/QĐ-UBND tỉnh Long An ngày 14/4/2022.

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- LOQ: Giới hạn định lượng.
- KPH: Không phát hiện.
- (\*) Chỉ tiêu được BoA công nhận phù hợp ISO/IEC 17025:2017.
- (\*\*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ.